

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY
ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Khái quát chung

Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 1595/QĐ-BXD ngày 13/12/1999 của Bộ Xây dựng và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105197 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 28/04/2017.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 61E, Đường La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cơ sở 2: Số 198 Nguyễn Tuấn, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỉ đồng*).

Vốn chủ sở hữu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 là 30.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2019 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Hồng Minh	Chủ tịch (Tái bổ nhiệm ngày 25/05/2018)
Ông Trần Văn Hùng	Thành viên (Tái bổ nhiệm ngày 25/05/2018)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Minh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22/04/2019)
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán được ghi chép phù hợp và được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 04 năm 2020, từ trang 06 đến trang 44 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ-Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Kiểm toán viên đưa ra ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 46A/2020/AEA/TC ngày 16 tháng 4 năm 2020 do các ảnh hưởng của các vấn đề sau:

- Tại ngày 31/12/2019, tổng giá trị các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa đối chiếu xác nhận trên bảng cân đối kế toán là 730.804.776.557 VND (chiếm 54% tổng tài sản trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và chiếm 52,5% tổng tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất).
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ chưa đánh giá và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản Phải thu khách hàng và Trả trước cho người bán tồn đọng với giá trị 11.26 tỷ VND.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 Công ty mẹ đang theo dõi Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang Dự án Vĩnh Lộc B số tiền 16.062.251.205 VND đã tồn đọng từ lâu ngày chưa được quyết toán. Đây là dự án đã hoàn thành bàn giao nhưng do vướng mắc với chủ đầu tư nên chưa quyết toán được giá trị cuối cùng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chúng tôi không thu thập được Báo cáo tài chính của các công ty liên kết gồm: Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 1, Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng 2, Công ty Cổ phần Lắp máy Cơ giới và Xây dựng, tổng giá gốc của các khoản đầu tư vào ba (03) công ty này là 12.322.500.000VND. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết điều chỉnh các chỉ tiêu có liên quan đến số dư các khoản đầu tư vào công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty con- Công ty TNHH MTV Đầu tư Nam Khánh (gọi tắt là “Nam Khánh”) chưa được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập. Các số liệu chính liên quan đến Báo cáo tài chính của Nam Khánh gồm: Tổng tài sản là 76.252.270.822VND (chiếm tỷ lệ 5,5% tổng tài sản trên Báo cáo tài chính hợp nhất); Doanh thu là 9.321.693.078VND (chiếm tỷ lệ 3,4% doanh thu trên báo cáo hợp nhất); Lỗ trước thuế là 2.976.203.157VND. Chúng tôi cũng không được thực hiện công tác kiểm toán hay soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, 31/12/2018 của Nam Khánh. Vì vậy, chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá các ảnh hưởng cũng như xem xét liệu có cần phải điều chỉnh các ảnh hưởng (nếu có) của số liệu báo cáo tài chính của Nam Khánh đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Văn Vụ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0638-2018-043-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á

Hà Nội, ngày 21 tháng 04 năm 2020

Nguyễn Hữu Đông

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0140-2018-043-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		945.428.253.147	970.259.380.306
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	11.450.592.651	7.655.654.762
1. Tiền	111		11.450.592.651	7.655.654.762
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	50.000.000.000	-
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.562.100.574	269.061.471.764
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	197.653.840.677	215.836.066.394
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		25.961.739.250	25.864.124.309
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	25.946.520.647	27.361.281.061
IV/ Hàng tồn kho	140		632.137.583.196	691.784.996.062
1. Hàng tồn kho	141	V.06	632.137.583.196	691.784.996.062
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		2.277.976.726	1.757.257.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	201.178.810	159.844.239
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.388.175.138
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.08	2.076.797.916	209.238.341
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		447.341.481.673	437.767.221.670
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		12.093.470.325	12.357.768.177
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.09	205.304.388	216.117.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	11.888.165.937	12.141.651.177
II/ Tài sản cố định	220		55.164.470.820	66.389.199.377
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	54.451.728.420	65.676.456.977
- Nguyên giá	222		117.847.262.265	148.898.975.186
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.395.533.845)	(83.222.518.209)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	712.742.400	712.742.400
- Nguyên giá	228		712.742.400	712.742.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		360.658.365.500	337.258.060.553
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	360.658.365.500	337.258.060.553
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	18.887.220.401	18.932.530.426
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		16.887.220.401	16.932.530.426
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.000.000.000	2.000.000.000
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		537.954.627	2.829.663.137
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	169.260.342	1.107.917.335
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		368.694.285	1.721.745.802
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.392.769.734.820	1.408.026.601.976

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2019	01/01/2019
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		1.250.376.121.845	1.271.330.141.501
I/ Nợ ngắn hạn	310		960.865.871.062	943.350.930.127
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	184.477.897.043	250.509.051.208
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	512.009.614.198	334.522.731.053
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.862.325.067	4.668.867.811
4. Phải trả người lao động	314		4.415.802.783	4.800.634.874
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	71.069.309.985	61.744.378.800
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.621.603.993	5.498.016.351
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	45.774.562.721	43.103.476.168
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	121.494.446.412	222.363.465.002
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.140.308.860	16.140.308.860
II/ Nợ dài hạn	330		289.510.250.783	327.979.211.374
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	21.913.372.274	28.433.609.415
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		80.412.108.990	55.449.795.999
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21	30.885.132.544	46.774.890.619
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.22	59.649.918.238	59.144.232.992
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	96.649.718.737	138.176.682.349
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		142.393.612.975	136.696.460.475
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.23	142.393.612.975	136.696.460.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		93.397.147.481	93.397.147.481
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.500.000.000	7.500.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.496.465.494	5.727.142.362
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		8.293.119.735	7.654.766.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.203.345.759	(1.927.623.638)
13. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		-	72.170.632
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.392.769.734.820	1.408.026.601.976



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	273.984.814.719	527.578.402.217
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		273.984.814.719	527.578.402.217
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	253.177.617.300	491.514.133.826
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		20.807.197.419	36.064.268.391
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	6.538.381.245	1.968.773.982
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.963.570.276	6.319.864.175
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.239.125.115	5.829.021.732
8. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty LDLC	24		24.592.728	113.796.145
9. Chi phí bán hàng	25		-	585.530.162
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	15.012.562.178	22.285.750.611
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.394.038.938	8.955.693.570
12. Thu nhập khác	31	VI.05	562.240.662	4.784.156.782
13. Chi phí khác	32	VI.06	101.596.078	191.320.043
14. Lợi nhuận khác	40		460.644.584	4.592.836.739
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.854.683.522	13.548.530.309
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	2.910.606.613	4.866.915.034
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		17.905.439	(506.817.423)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.926.171.470	9.188.432.698
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		4.926.171.470	10.100.653.688
18.2. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	(912.220.990)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.642	3.367



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Đặng Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Võ Thị Hương Giang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gian tiếp)
Năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	7.830.314.006	13.548.530.309
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao TSCĐ và	02	5.536.569.917	6.314.828.102
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.647.695.366)	(172.009.852)
- Chi phí lãi vay	06	4.239.125.115	2.107.106.209
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	10.958.313.672	21.798.454.768
Tăng giảm các khoản phải thu	09	59.695.680.553	33.166.778.730
Tăng giảm hàng tồn kho	10	47.822.022.405	32.909.826.642
Tăng giảm các khoản phải trả	11	85.384.902.645	64.498.497.161
Tăng giảm chi phí trả trước	12	1.400.695.684	3.168.502.217
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(4.186.885.964)	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.500.620.239)	(2.107.577.228)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.160.001.893)	(4.157.421.328)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(41.333.025.355)	(13.518.867.860)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	148.081.081.508	135.758.193.102
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản DH khác	21	(12.047.476.626)	(16.313.422.482)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	145.000.000	17.648.681.783
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51.000.000.000)	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6.500.000.000	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.390.000.000
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	537.153.916	164.934.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.865.322.710)	2.890.194.027
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3 Tiền thu từ đi vay	33	211.151.915.935	196.731.935.113
4 Tiền trả nợ gốc vay	34	(299.572.736.844)	(369.257.806.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(88.420.820.909)	(172.525.871.365)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.794.937.889	(33.877.484.236)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	7.655.654.762	41.533.138.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	11.450.592.651	7.655.654.762



Vũ Hồng Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2020

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thu Hà

Người lập biểu
Võ Thị Hương Giang